| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN H. QUẾ VÕ**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 43/2018/QĐST-HNGĐ | *Quế Võ, ngày 02 tháng 01 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 28/2017/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc "Phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn".

## XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

I. *Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự*:

*Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1982.
HKTT: Thôn DNh, xã PhL, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh.

*Bị đơn*: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1982.
HKTT: Thôn DNh, xã PhL, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Tuấn*: Luật sư Nguyễn Xuân Tùng, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Tùng Bách, số 319 Ngô Gia Tự, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1951.
Cư trú: Khu phố ĐTr, phường VN, thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh.

2. Anh Đặng Trung D, sinh năm 1977.
Cư trú: Khu phố ĐTr, phường VN, thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh.

3. Anh Đặng Ngọc T, sinh năm 1977.
Cư trú: Xóm L, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Đặng Văn B, sinh năm 1973.

Cư trú: Xóm Tr, xã ĐB, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

5. Bà Mai Thị Th, sinh năm 1960.

Cư trú: Thôn D, xã HĐ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

6. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982.

Cư trú: Số nhà 336, Khu 6, trị trấn NG, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985.

Cư trú: Số nhà 18, ngách 43, xóm GÁ, khu chợ Y, phường KB, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

8. Chị Vi Minh Th, sinh năm 1987.

Cư trú: Thôn PhS, phường VN, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

II. *Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau*:

1. Các bên đương sự xác nhận số tài sản của vợ chồng anh T, chị D có yêu cầu phân chia bao gồm: 01 thửa đất diện tích 120m$^2$ có số thửa 76 tờ bản đồ địa chính số 37 đất thôn DNh, xã PhL, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh, đất có tứ cận hướng Bắc giáp thửa đất số 77, hướng Nam giáp thửa đất số 75, hướng Đông giáp đường đi, hướng Tây giáp rãnh thoát nước, thửa đất có trị giá 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăn triệu đồng); 01 ngôi nhà trần 1,5 tầng, nhà cấp 4 loại 1 ở trên thửa đất số 76 có trị giá 474.584.000 đồng. Ngoài ra đương sự không thỏa thuận phân chia tài sản gì khác.

Số nợ của vợ chồng có yêu cầu giải quyết bao gồm:

- Nợ ông Đặng Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng; nợ anh Đặng Ngọc T số tiền 20.000.000 đồng; nợ anh Đặng Trung D số tiền 5.000.000 đồng; nợ anh Đặng Văn B số tiền 79.000.000 đồng.

- Nợ bà Mai Thị Th tổng số tiền của 03 khoản vay là 252.000.000 đồng (Bao gồm theo các giấy ghi nợ ngày 3/4/2016 là 160.000.000 đồng, theo giấy vay ngày 6/5/2016 là 62.000.000 đồng, khoản nợ 30.000.000 đồng không có giấy vay nợ); nợ chị Vi Minh Th số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị H số tiền 6.000.000 đồng; nợ chị Phạm Thị H số tiền 10.000.000 đồng.

2. Số tài sản trên các đương sự thống nhất phân chia như sau:

a. Chị Trần Thị Mỹ D được quyền sử dụng diện tích đất 120m$^2$ có số thửa 76 tờ bản đồ địa chính số 37 đất thôn DN, xã PhL, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; đất có tứ cận hướng Bắc giáp thửa đất số 77, hướng Nam giáp thửa đất số 75, hướng Đông giáp đường đi, hướng Tây giáp rãnh thoát nước. Chị D được sở hữu khối tài sản trên thửa đất bao gồm toàn bộ ngôi nhà trần 1,5 tầng, nhà bê tông cốt thép.

b. Chị Trần Thị Mỹ D phải trả anh Đặng Văn T số tiền chênh lệch do được sử dụng nhà đất với số tiền là 730.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi triệu đồng chẵn)

c. Về số nợ các bên thống nhất:

- Chị Trần Thị Mỹ D phải trả số nợ; Trả bà Mai Thị Th tổng số tiền 252.000.000 đồng; trả chị Vi Minh Th số tiền 30.000.000 đồng; trả nợ chị Nguyễn Thị H số tiền 6.000.000 đồng và trả nợ chị Phạm Thị H số tiền 10.000.000 đồng.

- Anh Đặng Văn T phải trả số nợ; Trả ông Đặng Văn Đ số tiền nợ 20.000.000 đồng; trả anh Đặng Trung D số tiền nợ 5.000.000 đồng; trả anh Đặng Ngọc T số tiền 20.000.000 đồng và trả nợ anh Đặng Văn B số tiền nợ 79.000.000 đồng.

d. Anh T có quyền lưu cư đến khi chị D thanh toán xong số tiền phải trả nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định giải quyết vụ kiện.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí, lệ phí thẩm định, định giá tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận trong quyết định nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Trần Thị Mỹ D số tiền 15.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04903 ngày 12/10/2017; hoàn trả bà Mai Thị Th số tiền 6.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04956 ngày 15/11/2017; hoàn trả chị Phạm Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04955 ngày 15/11/2017; hoàn trả chị Vi Minh Th số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04952 ngày 15/11/2017; hoàn trả chị Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04954 ngày 15/11/2017; hoàn trả ông Đặng Văn Đ số tiền 1.350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04962 ngày 20/11/2017; hoàn trả anh Đặng Văn B số tiền 1.975.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04961 ngày 20/11/2017; hoàn trả anh Đặng Trung D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04960 ngày 20/11/2017; hoàn trả anh Đặng Ngọc T số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04966 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Chị Trần Thị Mỹ D và anh Đặng Văn T mỗi người phải chịu 1.250.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản (xác nhận chị D, anh T đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận**
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.

**THẨM PHÁN**
(đã ký)

- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Sỹ Cây